

Số: 120/QĐ-THPTTL

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện công khai thường niên đối với cơ sở giáo dục phổ thông của Trường THPT Tự Lập

Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ tình hình thực tế về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2024-2025; thông tin về cơ sở vật chất, tài liệu học tập sử dụng chung, thông tin về chất lượng giáo dục thực tế năm học 2023-2024 và kết quả tài chính năm 2024 của Trường THPT Tự Lập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2024-2025; thông tin về cơ sở vật chất, tài liệu học tập sử dụng chung, thông tin về chất lượng giáo dục thực tế năm học 2023-2024 và kết quả tài chính năm 2024 của Trường THPT Tự Lập.

(Kèm theo báo cáo thường niên năm 2024)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận tài vụ;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

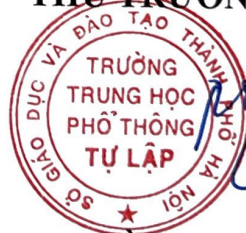
Trần Thị Hải Châu

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT TỰ LẬP

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

- I. THÔNG TIN CHUNG
- II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁC BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN
- III. CƠ SỞ VẬT CHẤT
- IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
- V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
- VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH
- VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG NĂM KHÁC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Hải Châu

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Kèm theo QĐ số 120/QĐ-THPTTTL ngày 25/6/2025)

Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THPT Tự Lập công khai các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học phổ thông Tự Lập
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Tự Lập, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Email: c3tulap@hanoiedu.vn.

Cổng thông tin điện tử: <https://thpttulap.edu.vn>

- Loại hình của cơ sở giáo dục

Loại hình cơ sở giáo dục: giáo dục đào tạo

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Thông tin người đại diện pháp luật:

Đại diện pháp luật: Trần Thị Hải Châu

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xã Tự Lập, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.

Số điện thoại: 02435265003

Địa chỉ email:

- Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Quyết định thành lập trường số:1714/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ngày 02/6/2008 về việc thành lập Trường THPT Tự Lập huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số: 259 /QĐ-SGDĐT ngày 08 /02/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận Hội đồng trường THPT Tự Lập nhiệm kỳ 2023-2028;

Danh sách thành viên Hội đồng trường bao gồm:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------------|
| -Bà: Trần Thị Hải Châu | - Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng |
| -Ông: Trịnh Đức Hạnh | - Chủ tịch Công đoàn |
| -Ông Nguyễn Tuấn Anh | - Thư ký hội đồng |
| -Bà: Vũ Thu Linh | - Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh |
| -Ông: Nguyễn Văn Hậu | - Trưởng phòng GDĐT huyện Sóc Sơn |
| -Bà: Mâu Thu Lương | -Tổ trưởng tổ Khoa học Xã hội |
| -Ông: Trần Ngọc Hiếu | -Tổ trưởng tổ Toán |
| - Ông Ngô Đức Lâm | - Tổ trưởng tổ văn phòng |
| - Bà: Nguyễn Thị Nhân | -Trưởng ban đại diện Cha mẹ học sinh |
| -Em: Nguyễn Thị Hải Yến | - Đại diện học sinh |

Quyết định số:1497 /QĐ-SGDĐT ngày 14 /6 /2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận bà Trần Thị Hải Châu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường THPT Tự Lập nhiệm kỳ 2022-2027;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 30/06/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc điều động và bổ nhiệm bà Trần Thị Hải Châu giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Tự Lập nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày kí quyết định;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

8. Các văn bản khác:

- Quy chế dân chủ, Kế hoạch của nhà trường, Nghị quyết hội đồng trường, Phân công nhiệm vụ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản.

II. THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và NV														
I	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:														
1	Ngữ Văn	9		8	1				7	2					
2	Toán học	6		4	2				6	1					
3	Ngoại ngữ	5			5				4	1					
4	Thể dục	3			3				1	2					
5	GDQP-AN	1			1				1						
6	Lịch Sử	2			2				2						
7	Địa lý	2		1	1					2					
8	GDCD	2			2				2						
9	Vật Lý	3		3					1	2					
10	Hóa học	5		3	2				4	1					
11	Sinh học	3			3				3						
12	Công nghệ	3		2	1				1	2					

	(KTCN+KTNN)														
13	Tin học	2			2					2					
II Cán bộ quản lý															
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	2		2					1	1					
III Nhân viên															
1	NV văn thư	1		2											
2	NV kế toán	1		2											
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1		1											
7	NV hỗ trợ giáo dục người KT	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	NV phục vụ	1						1							
10	NV bảo vệ	4						4							

III. THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	30	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	1.4
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	8	0.5
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	42	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	28.000	16.75
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.500	1.322
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	60	1.4
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	70	0.5
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	30	0.6
3	Diện tích thư viện (m ²)	430	0.35
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	919	0.7
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	6	Số bộ/lớp

1	Khối lớp 10	2	0.2
2	Khối lớp 11	2	0.2
3	Khối lớp 12	2	0.2
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
5			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ 25

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30	0.2
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	15	0.01
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/ Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10		03/03		0.22
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 32/2020/QĐ-BGĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường hoàn thành cuối năm 2024, kế hoạch cải tiến sau đánh giá

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của năm 2025, kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm.

V. THÔNG TIN VỀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin có liên quan: Thực hiện đúng theo quy định.

2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường hàng năm đầy đủ.

3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

4. Các chương trình hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

VI. THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ NĂM HỌC 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp10	Lớp11	Lớp12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1109	478	336	295	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1003 90,4	413 86,4	304 90,48	286 97,0	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	98 8,84	58 12,13	31 9,23	9 3,0	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,63	6 1,26	1 0,3	0	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	1 0,21	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	1109	478	336	295	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	299 27,0	72 15,06	92 27,38	135 45,76	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	736 66,4	343 71,76	234 69,64	159 53,9	
3	Trung bình(đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	74 6,7	63 13,18	10 2,98	01 0,34	
4	Yếu (Chưa đạt)(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1109	478	336	295	



		100%	100%	100%	100%	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	299 27,0	72	92	135	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	159	0	0	159	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1/67	0/28	1/36	0/3	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi HS giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	02	0	0	02	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp năm học 2023 - 2024	295			295	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp năm học 2023 - 2024	295			295	
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	%				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	581/528	249/229	171/165	61/134	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

1. Tình hình tài chính năm 2024

a) Các khoản thu:

-Ngân sách: + Chi thường xuyên: 12.886.659.000 đồng
+ Chi không thường xuyên: 380.835.000 đồng.

-Học phí: 527.255.000 đồng

-Cấp bù học phí theo nghị định 81: 2.015.000 đồng

-Bảo hiểm y tế học sinh do BHXH chi trả: 48.400.980 đồng

b) Các khoản chi:

-Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương: 9.488.000.000 đồng

- Chi các cơ sở vật chất và dịch vụ: 1.017.000.000 đồng

-Chi chuyên môn nghiệp vụ: 1.664.000.000 đồng

- Chi khác: 113.000.000 đồng

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Học kỳ II năm học 2023-2024:

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Quyết định số 82 /QĐ-THPTTTL ngày 10 tháng 05 năm 2024 của hiệu trưởng trường THPT Tự Lập việc miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2023-2024 như sau:

Miễn cho 01 em là đối tượng con mồ côi, 4 học sinh khuyết tật;

Giảm 50% học phí cho 04 em học sinh thuộc hộ cận nghèo

+ Về trợ cấp: Quyết định số 80/QĐ-THPTTTL ngày 10 tháng 5 năm 2024 của hiệu trưởng trường THPT Tự Lập, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2 năm học 2023-2024 cho 04 em học sinh khuyết tật, 01 em học sinh thuộc mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Học kỳ I năm học 2024-2025

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Quyết định số 278/QĐ-THPTTTL ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT Tự Lập, nhà trường miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2024-2025 cho các em học sinh như sau

Miễn cho 03 học sinh khuyết tật, 01 học sinh mồ côi;

Giảm học phí cho 05 em học sinh thuộc hộ cận nghèo



+ Về trợ cấp: Quyết định số 254/QĐ-THPTTTL ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường THPT Tự Lập, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2024-2025 03 học sinh khuyết tật, 01 học sinh mồ côi;

- Học kỳ II năm học 2024-2025

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Quyết định số 82 /QĐ-THPTTTL ngày 9 tháng 05 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT Tự Lập, nhà trường miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024-2025 cho các em học sinh như sau:

Miễn cho 04 học sinh khuyết tật, 01 học sinh là con mồ côi cả cha lẫn mẹ;

Giảm học phí cho 05 em học sinh thuộc hộ cận nghèo.

+ Về trợ cấp: Quyết định số 80/QĐ-THPTTTL ngày 09 tháng 05 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Tự Lập, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2024-2025 cho 04 học sinh khuyết tật, 1 học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ.

3. Số dư các quỹ theo quy định (Tính đến 31/12/2024)

-Quỹ dạy thêm, học thêm: 20.174.800 đồng

-Quỹ các quỹ đã trích lập: 977.212.900 đồng

-Quỹ bảo hiểm y tế do BHXH cấp: 15.699.500 đồng

- Quỹ học phí: 18.519.600 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Hải Châu